

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07-01 - 2022

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồ Điền

Ông Đồ Đức Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị B - sinh năm 1977

Nơi ĐKNKTT: SN 42 đường Bùi Xương Trạch, khu phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã Quang Trung, thị xã B, tỉnh T(Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn Nguyên - sinh năm 1973

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: SN 42 đường Bùi Xương Trạch, khu phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường T, Quận B, TP. H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiến Văn T- chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Minh H- chức vụ: Giám đốc ngân hàng
Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam- Chi nhánh thị xã B.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Thanh S- Chức vụ: Phó giám đốc(Theo văn bản
ủy quyền số:773/QĐ-NHN₀ - BS ngày 16/9/2021)(Vắng mặt).

2/ Ông Lê Văn S- sinh năm 1962

Địa chỉ: Ngõ 1 đường Bùi Xương Trạch, khu phố 3, phường P, thị xã B, tỉnh T(Vắng
mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2021 nguyên đơn- chị Mai Thị Bí trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng
ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung(nay là phường P) thị xã B vào năm 1996. Sau
khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn.
Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã cố
gắng thay đổi để chung sống và nuôi dạy con cái, nhưng cuối cùng vẫn không thể
khắc phục được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay, xét thấy tình cảm
vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải
quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: : Cháu đầu tên là Lê Thị N(nữ) sinh
ngày 30/5/1997, cháu thứ hai tên là Lê Thị Tố U(nữ) sinh ngày 13/01/2009. Nếu ly
hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Tố Uyên và yêu cầu anh
Nguyên cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu U đến tuổi thành
niên. Còn cháu Lê Thị N đã thành niên, hiện đã đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải
quyết, cháu N muốn ở với ai là tùy ở cháu.

- Về tài sản: Vợ chồng có khối tài sản chung gồm:

+ Nhà, đất ở: Tà thừa đất số 56d, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Quang
Trung(cũ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A) 423066 cấp ngày

23/02/2009; Đến tháng 4/2012 vợ chồng chị có phá bỏ nhà cũ và làm ngôi nhà mới 2 tầng. Nhà đất trị giá khoảng 1.000.000.000đ(Một tỷ đồng).

+ Xe ô tô Con Hyundai- BKS 36A/12350.Trị giá còn lại khoảng 100.000.000đ

+ Xe máy honda AIRBLATE, BKS 36G1-12381 giá trị còn khoảng 20.000.000 đ.

Ngoài ra còn một số tài sản khác không đáng giá, nên chị không kê khai.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng khoảng 1.120.000.000đ(Một tỷ, một trăm, hai mươi triệu đồng).

+ Về công nợ: Hiện nay vợ chồng chị đang nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 90.000.000đ và thế chấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của vợ chồng.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/10/2021 chị Bích trình bày: Ngoài những tài sản chị đã kê khai và yêu cầu Tòa án phân chia. Vợ chồng chị còn có 01 khối tài sản chung là: 1011,3m² đất lúa nước tại thửa số 95, tờ bản đồ số 10, Bản đồ địa chính phường Phú Sơn; địa chỉ: Đồng Dộc, khu phố 3, phường P, thị xã B. Trị giá thửa đất khoảng 50.000.000đ. Vợ chồng anh chị đang cho anh trai của anh Nguyễn là anh Lê Văn S mượn sử dụng từ năm 2016 đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn S phải trả lại thửa đất trên cho vợ chồng chị và phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

* Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 22/9/2021 và bản tự khai bổ sung ngày 16/11/2021 anh Lê Văn N trình bày:

Anh và chị Mai Thị B kết trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã Bỉm Sơn(nay là UBND phường P) năm 1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ anh nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Sau đó vợ chồng đã tự hòa giải, anh đã giải thích sự hiểu lầm nên vợ chồng lại tiếp tục chung sống hạnh phúc. Đến ngày 11/8/2021 do vợ anh thiếu quan tâm đến mẹ chồng đang bị đau ốm nên anh đã to tiếng nói chị B, trong lúc tức giận anh có những lời lẽ xúc phạm đến chị B, lúc anh đi làm chị B đã thuê xe mang đồ bỏ đi về nhà mẹ đẻ. Nay chị B làm đơn xin ly hôn anh

xét thấy vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, những khuyết điểm của bản thân anh sẽ khắc phục trong thời gian tới. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với vợ nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị B cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Lê Thị N(nữ) sinh ngày 30/5/1997, cháu thứ hai tên là Lê Thị Tố U(nữ) sinh ngày 13/01/2009. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu Tố U và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu N đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng có khối tài sản chung gồm:

+ Nhà, đất ở tại thửa số 56D, tờ bản đồ số 7, Bản đồ địa chính xã Quang Trung(cũ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A0 423066 cấp ngày 23/02/2009 đến tháng 4/2012 vợ chồng anh đã phá bỏ ngôi nhà cũ và xây ngôi nhà mới tầng 2. Tổng trị giá nhà đất khoảng 1 tỷ đồng.

+ Xe ô tô Con Hyundai- BKS 36A/12350. Xe anh mua lại vào năm 2016 trị giá nay còn lại khoảng 100.000.000đ.

+ Xe máy honda AIRBLATE, BKS 36G1-12381 giá trị còn khoảng 20 .000.000đ

Nếu phải ly hôn đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật nhưng có xem xét đến nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng đất của vợ chồng là do bố mẹ đẻ anh cho để xem xét cho anh được sử dụng trực tiếp và được phần nhiều hơn về giá trị quyền sử dụng đất.

- Về công nợ: Anh công nhận hiện nay vợ chồng anh đang nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam- Chi nhánh Thị xã B số tiền gốc là 90.000.000đ và số tiền lãi theo ngân hàng yêu cầu. Nếu phải ly hôn đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

- Về đất ở: Nguồn gốc đất là do bố mẹ(bố đã chết không để lại di chúc) mẹ đang còn sống, các anh em trong nhà lập biên bản phân chia tài sản của bố mẹ. Thống nhất giao cho anh mảnh đất anh đang ở hiện nay. Tuy nhiên khi địa chính làm sổ đã ghi tên vợ vào sổ đỏ. Anh cũng không hiểu khi chưa được sự đồng ý mà địa chính lại cho

vợ đứng tên. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét về nguồn gốc đất ở và đề nghị phân chia cho đúng pháp luật.

- Về đất ruộng: Nguồn gốc đất ruộng là của ông bà tách ra, cho anh làm vì theo quy định người sinh sau năm 1993 sẽ không có ruộng đến năm 1996 anh mới lấy vợ. Vậy nên phần ruộng của vợ anh là ở quê ngoại(thôn 1, xã Quang Trung) chưa chuyển lên nên vợ anh không có ruộng ở địa phương của anh được. Vì vậy, anh mong Tòa án xem xét chia cho đúng theo quy định của pháp luật. Hiện nay đất ruộng đó anh đang cho anh trai sử dụng nuôi cá, thuê do anh trai đóng.

Tại bản tường trình ngày 16/9/2021 đại diện ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày: Anh Lê Văn N, chị Mai Thị B được Agribank Chi nhánh Thị xã Bim Sơn B cho vay theo hợp đồng tín dụng số: 3524-LAV-202100414 ngày 18/3/2021, dư nợ 90.000.000đ và lãi tạm tính là 684.740đ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số:3524/028/02/2021 ngày 17/3/2021. Giá trị tài sản tại thời điểm đánh giá gần nhất là 741.300.000đ, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/3/2021. Giấy tờ liên quan đến tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:A0 423066 do UBND thị xã B cấp ngày 23/02/2009; địa chỉ tài sản: Tài sản nêu trên thuộc quyền quản lý và sử dụng của anh Lê Văn N, chị Mai Thị B tại khu phố 3, phường P, thị xã B. Căn cứ nội dung vụ án “ Ly hôn, tranh chấp tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn” giữa anh N và chị B có liên quan đến tài sản đang thế chấp để vay vốn tại ngân hàng. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi ích của ngân hàng và thu hồi vốn cho Nhà nước. Đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh N, chị B không trả nợ thì đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2021 anh Lê Văn S trình bày: Về nguồn gốc đất của anh N được chia từ năm 1993, diện tích khoảng 1.000m²(là đất riêng của anh N) hiện nay anh đang mượn của anh N để nuôi cá. Anh mượn của anh N từ năm 2016 đến nay. Khi nào nhà nước lấy thì anh sẽ trả cho anh N theo giấy mượn đất. Nếu anh N lấy lại thì phải bồi thường lại tài sản và công sức đầu tư cho anh.

Tại biên bản xác minh ngày 10/12/2021 trưởng khu phố 3, phường Phú Sơn, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cho biết: Chị B và anh N là vợ chồng hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị B nghi ngờ anh N có người con gái khác, anh N không thừa nhận. Vì vậy, hai bên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, sau đó chị B bỏ về nhà mẹ đẻ. Hai bên gia đình đã khuyên bảo, động viên hai anh chị quay về đoàn tụ, nhưng không thành. Nay chị B làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho con cái và các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 13/12/2021 nguyên đơn chị Mai Thị B có đơn xin rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng. Đại diện ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn xin rút yêu cầu độc lập vì phía anh N, chị B đã trả nợ cho Ngân hàng. Anh Lê Văn S có đơn đề nghị rút yêu cầu của ông đối với vợ chồng N, B về việc trả tiền công cải tạo đất ruộng.

Tại buổi hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2021 chị Mai Thị B cương quyết xin ly hôn với anh Lê Văn N, anh N xét thấy nếu chị Bích không còn tình cảm vợ chồng thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con cái: Chị B có nguyện vọng xin được nuôi cháu U và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu U đến tuổi thành niên. Anh N có nguyện vọng nếu cháu ở với anh, anh có trách nhiệm nuôi cháu và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, còn nếu cháu ở với chị B thì chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Mai Thị B vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, chị B cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, xin được nuôi con và đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và nêu nguyện vọng nếu cháu U ở với anh, anh có trách nhiệm nuôi cháu không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, còn nếu cháu ở với chị B, chị B có nghĩa vụ nuôi con anh không cấp dưỡng. Đại diện Ngân hàng Nông Nghiệp và anh Lê Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt anh Lê Văn N, anh Lê Văn S, đại diện Ngân hàng Nông Nghiệp & phát triển Nông thôn Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị B đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan(Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển Nông Thôn Việt Nam)

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị B

- + Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX giải quyết cho cho chị Mai Thị B được ly hôn anh Lê Văn N.

- + Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Thị Tố U(nữ) sinh ngày 13/01/2009 cho chị Mai Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu U đến tuổi thành niên.

- + Về tài sản: Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: - Đề nghị buộc chị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con anh N phải nộp 300.000đ

- Trả lại tiền án phí đề nghị phân chia tài sản cho chị B, và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Mai Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn N. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; bị đơn hiện đang cư trú tại phường Phú Sơn, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Chị Mai Thị B và anh Lê Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang T(nay là Phường P), thị xã B,tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay to tiếng với nhau, không quan tâm đến nhau. Nay chị B cương quyết xin ly hôn, anh N xét thấy không thể níu kéo tình cảm nên cũng đồng ý. HĐXX xét thấy, chị B và anh N mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị B và anh N giải quyết cho vợ chồng được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Lê Thị N(nữ) sinh ngày 30/5/1997, cháu thứ hai tên là Lê Thị Tô U(nữ) sinh ngày 13/01/2009. Cháu N đã đến tuổi thành niên nên vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị B có nguyện vọng xin được nuôi cháu Tô U và đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Anh N có nguyện vọng nếu anh nuôi cháu U thì anh không đề nghị chị B cấp dưỡng nuôi con, nếu chị B nuôi cháu U thì anh không phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, cháu U là con gái cần có bàn tay chăm sóc của mẹ, hơn nữa cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên giao cháu U cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. Về khoản cấp dưỡng chị B yêu cầu anh N cấp dưỡng 2.000.000đ. HĐXX thấy hiện nay anh N đang làm nghề lái xe do tình hình dịch bệnh covid diễn ra phức tạp nên công việc thu nhập cũng không ổn định. Vì vậy,

chấp nhận mức anh N cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu U đến tuổi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia trước khi Tòa án tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Chị B rút yêu cầu khởi kiện về đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập, anh Lê Văn S có đơn đề nghị rút yêu cầu về việc trả tiền công cải tạo đất ruộng nên miễn xét.

[5] Về án phí DSST:-Chị Mai Thị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh Lê Văn N phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.
- Chị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí về đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng 13.500.000đ và 625.000đ. Tổng cộng là: 14.125.000đ(Mười bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự B.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam số tiền 2.267.118đ(Hai triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm mười tám đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự B.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của chị B.
- Đình chỉ phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển Nông Thôn Việt Nam về việc yêu cầu vợ chồng chị Mai Thị B, anh Lê Văn N trả nợ ngân hàng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị B.

* Về hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị B được ly hôn với anh Lê Văn N.

* Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Thị Tô U(nữ) sinh ngày 13/01/2009 cho chị Mai Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ(Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Uyên đến tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí DSST:** Chị Mai Thị B phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Văn N phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí về đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng 13.500.000đ và 625.000đ. Tổng cộng là: 14.125.000đ(Mười bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Theo biên lai thu số: AA/2021/0005004 ngày 13/9/2021 và biên lai thu số: AA/2021/0005017 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã B.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam số tiền 2.267.118đ(Hai triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm mười tám đồng) theo biên lai thu số: AA/2021/0005006 ngày 14/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã B.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Mai Thị B, vắng mặt anh Lê Văn N, anh Lê Văn S, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam.

Chị Mai Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(07/01/2022), anh Lê Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam và anh Lê Văn S được quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã B ;
- Dương sự;
- THA Dân sự TX B;
- UBND xã Quang Trung(ĐK 27/7/1996)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

